

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/DS-PT

Ngày: 29/3/2024

V/v tranh chấp HĐ mua bán và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Bà Trần Thị Chơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 262/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: số G ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Hoàng K- Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H1: ông Sơn Hải N, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị H1.
- Người Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội - Người đại diện bà Đặng Thị H trình bày:

Nguyên từ năm 2021 đến năm 2023, bà có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho vợ chồng anh Trần Văn C, chị Nguyễn Thị H1 chia thành nhiều vụ và ngày khác nhau và mượn với tổng số tiền là 1.903.418.000 đồng. Cụ thể như sau: Lần 1 ngày 13/11/2021 nợ số tiền vật tư nông nghiệp (VTNN) là 82.607.000 đồng; lần 2 ngày 26/11/2021 nợ số tiền VTNN là 61.284.000 đồng; lần 3 ngày 21/01/2022 nợ số tiền VTNN là 406.000.000 đồng; lần 4 ngày 29/01/2022 nợ số tiền VTNN là 44.240.000 đồng; lần 5 ngày 10/04/2022 nợ số tiền VTNN là 45.150.000 đồng; lần 6 ngày 21/06/2022 nợ số tiền VTNN là 69.348.000 đồng; lần 7 ngày 04/7/2022 nợ số tiền VTNN là 23.619.000 đồng; lần 8 ngày 6/11/2022 nợ số tiền VTNN là 99.700.000 đồng; lần 9 ngày 05/02/2022 nợ số tiền VTNN là 82.620.000 đồng; lần 10 ngày 23/03/2023 nợ số tiền VTNN là 80,620.000 đồng; lần 11 ngày 27/03/2023 nợ số tiền mượn 800.000.000 đồng; lần 12 ngày 16/05/2023 nợ số tiền VTNN là 21.220.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội yêu cầu ông C - bà H1 trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền mượn như trên tổng cộng là 1.903.418.000 đồng. Tại phiên tòa, Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C - bà H1 trả số tiền vay là 800.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 28/3/2023 và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 22/9/2023 bị đơn ông Trần Văn C tự khai như sau:

Ông C thừa nhận có làm ăn mua bán với Công ty Bảo vệ thực vật Bà Hội nhiều năm, giữa Công ty và ông C đã chốt nợ là 800.000.000 đồng, còn số nợ trên số phiếu do Công ty bảo vệ thực vật Bà H2 cung cấp ông không biết. Đối với số tiền 800.000.000 đồng, ông cam kết trả thành 4 đợt, mỗi đợt 200.000.000 đồng.

Tại bản khai của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bà là ông Trần Thanh K1:

Việc bà Đặng Thị H (nguyên đơn) cho rằng việc anh C có vay số tiền là 800.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/03/2023, bà H1 không hay biết về sự việc đã nêu ở trên, vì hiện tại chị H1 và gia đình cũng đã nhiều lần tìm kiếm tin tức anh C nhưng đến nay vẫn không biết anh C đang ở đâu. Cho nên việc anh C có vay tiền bà H hay không thì đợi chị H1 và gia đình liên hệ được với anh C rồi sẽ ra đời chất vấn bà H mới biết rõ việc vay tiền như bà H nêu trên. Nhưng còn việc giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà H và anh Trần Văn C ra sao thì chị H1 không được rõ và cũng không ký nhận vào bất kỳ các biên nhận giao hàng nào của bà H. Tuy nhiên qua việc xem xét, đối chiếu tất cả các chữ ký, chữ viết trong các tài liệu, hóa đơn mua bán do bà H cung cấp, thì tất cả chữ ký, chữ viết đều khác nhau. Mặt khác, theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Đặng Thị H thì các khoản nợ này do bà H tự viết. Chính vì lẽ đó không đủ căn cứ xác định các khoản trên do anh C còn nợ. Vì vậy, chị Nguyễn Thị H1, không đồng ý thanh toán khoản nợ trên theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại bản tự khai ngày 22 tháng 9 năm 2023 thì anh Trần Văn C xác định là có làm ăn mua bán với công ty bảo vệ thực vật Bà H2 đã nhiều năm thì anh đã chốt nợ với công ty số nợ là 800.000.000 đồng còn số nợ trên phiếu thì anh C không biết, mỗi vụ lúa thì anh đều lên thanh toán cho công ty B, nay anh C thừa nhận còn nợ công ty Bà Hội 800.000.000 đồng và anh C xin hứa sẽ trả số tiền trên làm bốn đợt, mỗi năm anh C 200.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Tuy nhiên số nợ trên là cá nhân của anh C, không liên quan gì đến chị H1 nên chị H1 không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ 800.000.000 đồng trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 262/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà H2. Buộc ông Trần Văn C - bà Nguyễn Thị H1 trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà H2 số tiền mượn là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), tiền lãi là 47.780.822 đồng (bốn bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội buộc ông C – bà H1 giao trả số tiền mua bán VTNN còn nợ là 1.103.418.000 đồng (một tỷ một trăm linh ba triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) do Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội rút yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc riêng cá nhân ông C trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng và tiền

lãi 47.780.822 đồng.

Ngày 24/11/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng có Quyết định kháng nghị số 247/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bổ sung thêm nghĩa vụ trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án, xem xét tính lại mức án phí theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Phạm Hoàng K có ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, sửa bản án sơ thẩm về phần tính án phí và việc chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt bản án cho nguyên đơn và thực hiện thủ tục niêm yết bản án đối với bị đơn vắng mặt hợp lệ. Bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng thực hiện quyền kháng nghị theo đúng quy định tại Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Văn C đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1

Chị H1 kháng cáo không đồng ý cùng với chồng là anh Trần Văn C thanh toán khoản nợ 800.000.000 đồng cùng tiền lãi cho nguyên đơn với lý do bà H1 cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông C thừa nhận khoản nợ này đối với Cửa hàng Bà H2. Khoản nợ này không phải ông C vay một lần mà nợ trong một thời gian và phát sinh từ việc nợ tiền mua bán hàng hoá vật tư nông nghiệp. Việc kinh doanh của ông C và bà H1 xuất phát từ nguồn vốn là tài sản chung vợ chồng, việc kinh doanh cũng phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình. Bà H1 không xác định được ông C vay nợ để làm gì, trong quá trình kinh doanh của vợ chồng nguồn vốn có thiếu hụt, việc kinh doanh trong gia đình chủ yếu là do ông C thực hiện và giao dịch với Cửa hàng Bà H2 nhưng cùng mục đích kinh doanh chung trong gia đình. Bà H1 cho rằng đây là nợ cá nhân ông C nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh khoản nợ này ông C sử dụng vào mục đích cá nhân. Bản án sơ thẩm nhận định và buộc bà H1 cùng với ông C phải thanh toán nợ và lãi cho nguyên đơn là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

[2.2]. Đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng

Hội đồng xét xử xét thấy, bản án sơ thẩm buộc ông C và bà H1 phải trả cho bị đơn số tiền 800.000.000 đồng, tiền lãi 47.780.822. Tổng cộng là 847.780.000 đồng. Án phí theo danh mục quy định tại Nghị quyết 326, đối với tranh chấp từ 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng được tính 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 800.000.000 đồng. Như vậy, án phí của vụ án được tính như sau: $36.000.000 + 3\% (47.780.822) = 37.433.424$ đồng. Bản án sơ thẩm tính $20.000.000$ đồng + $(4\% \times 447.780.822 \text{ đồng}) = 37.911.000$ đồng là không đúng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm không tuyên việc chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án là không đúng theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đề nghị sửa án phí và bổ sung nghĩa vụ chậm thực hiện là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và nghĩa vụ chậm thực hiện khi thi hành án.

[3]. Về án phí: do sửa bản án sơ thẩm nên án phí được tính lại. Cụ thể:

- Án phí sơ thẩm: bị đơn ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền phải trả 847.780.822 đồng là: $36.000.000 + 3\% (47.780.822) = 37.433.424$ đồng.

Hoàn trả lại nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Bà H1 được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002279 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H1.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 262/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang về án phí và nghĩa vụ chậm thực hiện.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà H2. Buộc ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H1 trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà H2 số tiền vay là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), tiền lãi là 47.780.822 đồng (bốn bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội buộc ông C – bà H1 giao trả số tiền mua bán VTNN còn nợ là 1.103.418.000 đồng (một tỷ một trăm linh ba triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) do Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà Hội rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự :

- Án phí sơ thẩm: bị đơn ông C, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 37.433.424 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Bà H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0008349, ngày 18/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Bà H1 được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002279 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Ngô Thị Minh Trang